

Số: 433/QĐ-VTHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018
Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng
có nối ray với đường sắt Quốc gia**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Đường sắt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2017 và được thi hành từ ngày 01/7/2018;

- Căn cứ Thông tư số: 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia;

- Căn cứ văn bản số 894/CĐSVN-VTATGT ngày 10/5/2018 của Cục Đường sắt Việt Nam về việc triển khai thực hiện Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ Giao thông Vận tải;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2018;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Điều độ vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia” của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ 0 giờ 00 ngày 01/7/2018. Hủy bỏ các quy định trước đây trái với nội dung quyết định này.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ Công ty, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐSVN (để b/c);
- Tổng Công ty ĐSVN (để b/c);
- HĐQT Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Trung tâm ĐHVTĐS (để p/h);
- Công ty CP VTĐS Sài Gòn (để p/h);
- Lưu: VT, ĐĐVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC *Minh Tuấn*



**KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ GTVT

Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia

và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 433/QĐ-VTSG ngày 15/6/2018
của Công ty Cổ phần VTĐS Hà Nội)*

Thông tư 22/2018/TT-BGTVT là văn bản pháp luật quy định cụ thể những điều khoản của Luật đường sắt về kinh doanh vận tải hàng hóa trên đường sắt. Văn bản này quy định về quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp, Người thuê vận tải, Người nhận hàng khi vận chuyển hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng nối vào đường sắt quốc gia.

Để đảm bảo việc kinh doanh vận tải hàng hóa đường sắt được an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật, đồng thời để các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sắt (các đơn vị, bộ phận, chức danh có liên quan của Doanh nghiệp, người thuê vận tải, người gửi hàng, người nhận hàng) hiểu rõ hơn, thực hiện đúng pháp luật về vận tải hàng hóa bằng đường sắt, Công ty CP VTĐS Hà Nội hướng dẫn thực hiện Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT ngày 02-5-2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành **Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia**, như sau (Những Điều, khoản chỉ nêu tiêu đề, không hướng dẫn gì thêm thì thực hiện như nội dung của Điều, Khoản đó trong Quy định của Thông tư số 22/2018/TT-BGTVT):

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Ngoài các từ ngữ được giải thích tại Điều 3 của Thông tư “ Quy định về việc vận tải hàng hoá trên đường sắt quốc gia ”, trong hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cụm từ Thông tư “ Quy định về việc vận tải hàng hoá trên đường sắt quốc gia” được viết tắt là “ Quy định về vận tải hàng hoá ”.

2. Trọng tải kỹ thuật của toa xe là trọng lượng hàng hoá tối đa được chở trên toa xe theo tiêu chuẩn thiết kế, trọng tải này được ghi trên thành toa xe.

3. Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là lượng hàng hoá tối đa được xếp trên toa xe phù hợp với Công lệnh tải trọng trên từng tuyến đường.

4. Người thuê vận tải

Người thuê vận tải (danh từ gọi chung cho tổ chức, cá nhân) có hàng hoá vận chuyển và trực tiếp ký kết hợp đồng vận tải với Doanh nghiệp theo quy định. Người thuê vận tải có thể ủy quyền cho một tổ chức, cá nhân thay mặt mình để thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng vận tải: uỷ quyền cho người khác thay mình để làm các công việc gửi hàng tại ga đi (gọi tắt là người gửi hàng) hoặc chỉ định người thực hiện các công việc để nhận hàng tại ga đến (gọi tắt là người nhận hàng).

5. Người gửi hàng

Người gửi hàng có thể là người thuê vận tải hoặc là người được người thuê vận tải uỷ quyền để thực hiện một phần của hợp đồng vận tải hàng hoá. Người gửi hàng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong phạm vi công việc liên quan đến việc gửi hàng tại ga đi.

6. Người nhận hàng.

Người nhận hàng có thể là người thuê vận tải hoặc là người thứ ba được người thuê vận tải chỉ định nhận hàng tại ga đến của hàng hoá. Người nhận hàng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong phạm vi công việc liên quan đến việc nhận hàng tại ga đến.

7. Cụm từ “Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hoá” viết tắt là Doanh nghiệp.

8. Những Điều chỉ nêu tên, tiêu đề, không hướng dẫn gì thêm thì thi hành như nội dung của Điều đó trong Thông tư.

Điều 4. Đơn vị tính thời gian trong hoạt động vận tải hàng hóa.

Điều 5. Địa điểm giao dịch, niêm yết giá vận tải và các loại chi phí khác

Điều 6. Hình thức vận tải.

1. Vận chuyển hàng hoá trên đường sắt quốc gia có hai hình thức vận chuyển: hình thức nguyên toa và hàng lẻ.

Khi nhận vận chuyển, các Chi nhánh vận tải phải căn cứ vào tính chất, đặc điểm hàng hoá, điều kiện vận chuyển và các trường hợp hàng hoá phải nhận chở theo hình thức nguyên toa để quyết định nhận vận chuyển theo hình thức nguyên toa hay hàng lẻ cho phù hợp.

Điều kiện bình thường, hình thức vận chuyển nguyên toa chỉ áp dụng cho hàng hoá xếp trên một toa xe, tuy nhiên trong trường hợp hàng quá dài xếp lên 2 xe

liên kết hoặc xếp trên 1 xe và dùng xe đệm thì vẫn được coi là hình thức vận chuyển nguyên toa.

Trường hợp Công ty cho thuê hành trình đoàn tàu hàng với số lượng toa xe và trọng lượng đoàn tàu xác định thì người thuê vận tải và các nhân viên có liên quan phải chấp hành đúng Quy định về việc vận tải hàng hoá cũng như tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về đường sắt.

2. Vận tải trọn gói: Ngoài hình thức vận chuyển nguyên toa hoặc hàng lẻ nêu trên, Doanh nghiệp có thể nhận vận chuyển trọn gói cho khách hàng hoặc một phần tác nghiệp đầu cuối, cụ thể:

- Vận chuyển từ kho của khách hàng đến ga đến nhận hàng.
- Vận chuyển từ ga gửi đến kho của khách hàng.
- Vận chuyển từ kho đến kho.

Điều 7. Những hàng hóa phải vận tải theo hình thức nguyên toa

Điều 8. Toa xe chở hàng.

1. Toa xe chở hàng phải bảo đảm phù hợp với điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khai thác đường sắt QCVN 08:2011/BGTVT năm 2011 và các quy định khác có liên quan.

Đối với toa xe chở hàng LVQT áp dụng theo Hiệp định về quy tắc sử dụng toa xe trong LVQT và Quy tắc sử dụng toa xe trong LVQT (PPV).

2. Việc sử dụng toa xe riêng của người thuê vận tải để vận chuyển hàng hóa phải tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Ngoài ra còn phải có giấy chứng nhận đăng ký, giấy kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực và được sự đồng ý của TGD TCT ĐSVN hoặc người ủy quyền.

THỰC HIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA

Mục 1. VẬN TẢI HÀNG HÓA THÔNG THƯỜNG

Điều 9. Xác định tên hàng hóa

I. Mục đích ý nghĩa của việc kê khai tên hàng hoá:

1. Là cơ sở để giải quyết tranh chấp bồi thường hàng hoá phát sinh;
2. Là cơ sở để xác định yêu cầu cung cấp chủng loại toa xe, quyết định biện pháp xếp hàng và bảo vệ, bảo quản hàng hoá, quyết định biện pháp chuyên chở và kỳ hạn vận chuyển.
3. Là cơ sở để xác định bậc cước, mức thu tiền cước hàng hoá.

II. Trách nhiệm của người thuê vận tải:

1. Người thuê vận tải có trách nhiệm tự khai và khai đúng tên hàng hoá thông thường, ghi rõ tính chất của hàng hoá: hàng mau hỏng, tươi, sống, khô, cồng kềnh, nguy hiểm, hàng hoá cần có biện pháp vận chuyển và bảo quản riêng biệt v.v...

2. Trường hợp hàng nguy hiểm phải ghi đúng tên gọi trong “danh mục hàng nguy hiểm” theo quy định của Pháp luật để làm cơ sở xây dựng biện pháp xếp, dỡ vận chuyển cho phù hợp và đảm bảo an toàn.

3. Người thuê vận tải phải chịu trách nhiệm về hậu quả xảy ra do kê khai không đúng tên hàng và không thực hiện đúng các quy định của Doanh nghiệp.

III. Trách nhiệm của Doanh nghiệp:

Các Chi nhánh vận tải có trách nhiệm hướng dẫn người thuê vận tải kê khai tờ khai gửi hàng nhưng tuyệt đối không được khai hộ người thuê vận tải. "Tờ khai gửi hàng" là căn cứ để giải quyết các tranh chấp giữa Doanh nghiệp và người thuê vận tải khi xảy ra các hậu quả của việc khai không đúng tên hàng vì vậy các ga có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản tờ khai gửi hàng theo đúng quy định.

Điều 10. Yêu cầu của hàng hóa được nhận vận tải

Điều 11. Thứ tự ưu tiên trong vận tải hàng hóa

- Hàng vận chuyển phục vụ nhiệm vụ đặc biệt bao gồm vận chuyển hàng hóa và trang thiết bị để khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, chống dịch, thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp về an ninh, quốc phòng; an sinh xã hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Hàng nguy hiểm, thi hài, hài cốt;

- Hàng dễ hư hỏng, động vật sống, hàng nguy hiểm;

- Hàng vận chuyển đột xuất khi có chỉ thị hoặc lệnh của cấp có thẩm quyền;

- Hàng có hợp đồng riêng như tàu chuyên tuyến, chuyên luồng vv...; tàu chạy trước cấp xe xếp hàng trước.

- Hàng có hợp đồng vận chuyển hai chiều, ưu tiên cấp toa xe của Công ty để xếp hàng trả về phân giới điểm.

- Các loại hàng hóa khác: hàng đến ga trước cấp xe trước, nếu hàng đến ga cùng một lúc thì cấp xe xếp hàng theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Hàng hoá có cự ly vận chuyển xa nhất và có doanh thu cao;

+ Hàng của chủ hàng truyền thống ổn định và khối lượng lớn;

+ Hàng hoá mà ga đến Người nhận hàng thực hiện tốt hợp đồng, dỡ hàng tốt (không để đọng dỡ);

Điều 12. Từ chối vận tải hoặc đình chỉ vận tải

Điều 13. Cung cấp toa xe, dụng cụ vận tải kèm theo toa xe và vật liệu gia cố

Điều 14. Thông báo đưa toa xe vào địa điểm xếp dỡ

Điều 15. Kỳ hạn đưa hàng hóa đến ga gửi

Điều 16. Hàng hóa lưu kho, lưu bãi

Điều 17. Kỹ thuật xếp hàng trên hóa trên toa xe

Kỹ thuật xếp hàng lên toa xe thực hiện theo những nội dung cơ bản đã nêu tại Điều này của Thông tư. Khi xếp hàng lên toa, phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật xếp toa đối với từng loại hàng và từng loại toa, cụ thể cần chú ý một số điểm sau đây:

1. Phải xếp sao cho gọn lỏ, đồng thời lợi dụng tối đa trọng tải và dung tích cho phép của toa xe. Để đảm bảo hàng hoá xếp được gọn lỏ trong một toa xe, nếu được Doanh nghiệp cho phép có thể xếp vượt đến 5% trọng tải kỹ thuật của toa xe nhưng không được vượt quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe (trọng tải/ mét của tuyến đường).

2. Đối với hàng quá dài, quá khổ giới hạn và quá nặng khi xếp toa và gia cố phải tuân theo các biện pháp đã được hướng dẫn trong công điện hoặc giấy phép hoặc theo sự hướng dẫn của Hội đồng vận chuyển.

3. Khi xếp hàng lên toa phải đảm bảo trọng lượng hàng hoá được phân bố đều trên sàn toa, không được xếp lệch quá độ xê dịch cho phép của trọng tâm hàng hoá. Trường hợp hàng hoá có trọng lượng phân bố không đều và phải xếp lệch tâm thì phải tuân theo biện pháp riêng. Đối với các loại hàng rời vụn xếp đồng như than, apatite, cát sỏi vv... sau khi xếp toa xong phải san đều trong toa.

4. Hàng hoá khi được xếp vào toa phải đảm bảo chặt chẽ, vững chắc và ổn định. Các kiện hàng xếp trong toa sẽ không va đập nhau, tự động lấn hay xê dịch, nghiêng đổ trong quá trình chuyên chở. Đối với hàng dễ vỡ phải chú ý xếp đặt nhẹ tay và chèn đệm thật ổn định. Đối với hàng cấm xếp lộn ngược (có dán nhãn in 2 mũi tên hướng lên trên) phải chú ý đặt kiện hàng đúng theo chiều mũi tên.

5. Đối với hàng hoá nguy hiểm tuy cùng một lô nhưng đã quy định cấm xếp chung với nhau trong một toa thì phải dùng toa riêng để xếp từng loại hàng mặc dù trọng lượng hàng xếp toa chưa đạt được mức trọng tải của toa xe

Điều 18. Trách nhiệm xếp, dỡ hàng hóa

Việc xếp dỡ hàng hoá được quy định như sau:

1. Hàng lẻ do Doanh nghiệp xếp, dỡ.

2. Hàng nguyên toa do người thuê vận tải tự xếp, người nhận hàng dỡ. Trường hợp có thỏa thuận khác giữa Người thuê vận tải và Doanh nghiệp thì trong hợp đồng vận tải quy định việc xếp dỡ là do Doanh nghiệp đảm nhận thì Doanh nghiệp được thanh toán tiền xếp dỡ với người thuê vận tải và có trách nhiệm hoàn thành việc xếp dỡ theo hợp đồng.

Khi xảy ra các phát sinh vướng mắc trong tổ chức vận tải hàng hoá, phạm vi giới hạn trách nhiệm của phần công việc nào thì giải quyết theo nội dung hợp đồng đã ký kết của công việc đó.

3. Trường hợp khi toa hàng tới ga đến, sau khi báo tin mà người nhận hàng không đến ga nhận hàng kịp thời thì Doanh nghiệp có thể dỡ hàng xuống kho bãi để giải phóng toa xe. Trường hợp này khi đến nhận hàng người thuê vận tải phải trả tiền xếp dỡ hàng hoá, lưu kho bãi mặc dù người thuê vận tải không ký kết trong hợp đồng vận tải hoặc không thoả thuận về trách nhiệm xếp dỡ thuộc Doanh nghiệp.

4. Người thuê vận tải phải tự đảm nhiệm xếp dỡ, nếu thuê Doanh nghiệp xếp, dỡ thì người thuê vận tải phải chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát quá trình xếp, dỡ theo quy định đối với các mặt hàng quy định tại khoản 3 Điều này như sau:

4.1. Hướng dẫn các biện pháp phòng hộ an toàn cho công nhân khi tiến hành việc xếp dỡ.

4.2. Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hàng hoá.

4.3. Cung cấp đầy đủ dụng cụ và trang bị phòng hộ thích hợp cho công nhân xếp dỡ.

4.4. Tổ chức việc cứu chữa khi xảy ra tai nạn do ảnh hưởng của tính chất đặc biệt của hàng hoá gây nên trong khi xếp dỡ.

4.5. Trực tiếp trông nom việc xếp dỡ và bảo quản hàng hoá, xử lý hàng hoá bị đổ vỡ, rơi vãi, hư hỏng bao bì v.v...

Trong tất cả các trường hợp, Doanh nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc xếp hàng đúng quy định về kỹ thuật xếp hàng lên toa xe để bảo đảm tính nguyên vẹn và an toàn hàng hoá. Nếu người gửi hàng xếp không đúng quy cách, Doanh nghiệp có quyền yêu cầu sửa chữa cho phù hợp.

5. Nội dung của công tác xếp dỡ.

Khi hoàn tất nội dung sau thì mới được coi là hoàn thành việc xếp dỡ:

5.1. Khi xếp hàng lên toa xong, phải đóng cửa toa, phủ bạt lên toa (đối với toa xe không mui xếp hàng cần che bạt) và chằng buộc các đầu dây cẩn thận, chèn lót ở cửa toa có mui (nếu xếp hàng kỵ ướt), gia cố chắc chắn (đối với hàng nặng, công kênh, quá giới hạn hoặc các loại hàng khác xếp toa không mui)

5.2. Khi xếp dỡ hàng từ toa xe xuống kho, bãi hoặc phương tiện vận tải xong, phải quét dọn toa xe (nếu toa xe chở hàng hôi hám, hàng làm bẩn toa xe hay hàng độc hại, thì phải cọ rửa, tẩy uế và tiêu độc), đóng cửa toa xe, gấp vải bạt và xếp vào nơi quy định, thu dọn vật liệu gia cố. Đối với hàng rời vụn xếp đóng khi dỡ xuống bãi phải thu gọn thành đồng không cho hàng chảy tràn lán vào giới hạn an toàn của đường xếp dỡ, (đảm bảo khoảng cách ít nhất là 1m80 giữa chân hàng và mép ray ngoài phía bãi).

6. Yêu cầu trong công tác xếp dỡ hàng hoá

Việc xếp dỡ hàng hoá phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Việc xếp dỡ phải được tiến hành liên tục cả ngày đêm, ngày thường cũng như ngày Lễ, Tết, Thứ 7 và Chủ nhật. Tùy theo khối lượng xếp dỡ nhiều hay ít, việc đưa lấy xe liên tục hay gián đoạn mà bố trí lực lượng xếp dỡ thường trực để mỗi khi có hàng hoá, toa xe là có thể tiến hành kịp thời việc xếp dỡ không gây chậm trễ làm ứ đọng hàng hoá, toa xe và trở ngại đến các tác nghiệp khác có liên quan.

2. Việc xếp dỡ trong từng đợt đưa xe (số toa xe cùng đưa vào một lúc để tác nghiệp) phải đảm bảo hoàn thành đúng thời gian đã quy định của điều 19 Thời gian xếp dỡ.

3. Khi dỡ hàng từ trên toa xuống kho bãi phải đảm bảo hàng hoá được kiểm đếm, giao nhận và bảo quản thuận tiện, cụ thể là:

Phải tổ chức dỡ hàng đúng kỹ thuật, đảm bảo an toàn hàng hoá và lao động.

Đối với hàng bao kiện dù dỡ xuống kho hay xuống bãi đều phải xếp đặt hàng có lối ngay ngắn theo từng lô riêng biệt. Nếu là hàng có nhiều mã hiệu, ký hiệu khác nhau (như hàng lẻ nguyên toa, hàng nhập khẩu Liên vận quốc tế) thì phải xếp đặt riêng theo mã hiệu ký hiệu.

Đối với hàng rời vụn, xếp đồng khi dỡ xuống bãi cần chú ý thu gọn thành đồng riêng biệt theo từng lô, không được dỡ chồng lên hàng hoá khác. Phải đảm bảo một khoảng trống ít nhất là 1m80 tính từ mép ray ngoài phía bãi đến chân hàng để đảm bảo an toàn cho việc dồn xe. Những thanh sắt, thép dài, gỗ cây, gỗ xẻ, tre nứa v.v... phải xếp dọc theo đường xếp dỡ, không để chĩa đầu vào đường xếp dỡ.

Đối với hàng quá dài, quá giới hạn và quá nặng khi dỡ toa phải tuân theo các biện pháp hướng dẫn trong công điện hoặc giấy phép chuyên chở theo sự hướng dẫn của Hội đồng vận chuyển.

Không được dỡ hàng lệch một bên toa xe (để phòng toa xe bị lật hoặc di chuyển bị trật bánh).

4. Trách nhiệm khi không hoàn thành việc xếp dỡ.

Khi không đảm bảo theo đúng nội dung và yêu cầu của công tác xếp dỡ, bất kể trách nhiệm xếp dỡ thuộc về người thuê vận tải, người nhận hàng hay Doanh nghiệp, đều phải:

- Hoàn chỉnh nội dung và yêu cầu của công tác xếp dỡ.

- Nếu xếp, dỡ chậm gây ra đọng toa xe thì phải trả tiền chiếm dụng toa xe cho Doanh nghiệp (trường hợp trách nhiệm xếp dỡ thuộc người thuê vận tải, người nhận hàng thì người thuê vận tải, người nhận hàng phải trả tiền chiếm dụng toa xe ; nếu trách nhiệm xếp dỡ thuộc Doanh nghiệp thì bộ phận xếp dỡ và những bộ phận liên quan chịu trách nhiệm trả tiền chiếm dụng toa xe cho Doanh nghiệp).

Điều 19. Thời gian xếp dỡ

Định mức thời gian xếp dỡ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 232/QĐ-HĐQT ngày 06/10/2017 Ban hành Quy chế công khai xếp dỡ và thu tiền chiếm dụng toa xe và các văn bản còn hiệu lực.

Ngoài ra đối với các trường hợp toa xe về ga chờ làm thủ tục do người thuê vận tải thực hiện như thủ tục hải quan, thủ tục thay đổi ga đến, thay đổi người nhận hàng mới thì người thuê vận tải phải trả cho Doanh nghiệp tiền chiếm dụng toa xe do việc lưu xe trên.

Điều 20. Hàng hóa không xếp chung cùng một toa xe

Điều 21. Đóng gói hàng hóa

Điều 22. Thẻ buộc hàng

Điều 23. Xác định trọng lượng hàng hóa

1. Đối với hàng lẻ, khi nhận chở doanh nghiệp phải xác định lại trọng lượng hàng hoá bằng cân của mình, mặc dù người thuê vận tải đã kê khai trọng lượng trong tờ khai gửi hàng. Trọng lượng hàng sau khi đã xác định phải ghi vào Hoá đơn gửi hàng ở cột dành riêng cho Doanh nghiệp ghi và căn cứ vào đó để tính cước.

2. Đối với hàng nguyên toa, người thuê vận tải có trách nhiệm kê khai đúng trọng lượng hàng hoá đã xếp toa và ghi vào tờ khai gửi hàng. Doanh nghiệp phải tăng cường biện pháp giám sát, kiểm tra đồng thời nhắc nhở người thuê vận tải chú ý không được xếp quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe. Nếu xét thấy việc kê khai của khách hàng không đúng thực tế nhân viên hóa vận được quyền kiểm tra lại số lượng, trọng lượng hàng hóa người thuê vận tải kê khai và yêu cầu người thuê vận tải kê khai lại đúng thực tế.

3. Biện pháp kiểm tra trọng lượng.

Hiện nay do doanh nghiệp còn thiếu các phương tiện xác định trọng lượng hàng hoá (cân và cầu cân) nên việc kiểm tra toa xe có xếp hàng vượt quá trọng tải cho phép hay không thường dựa theo những kinh nghiệm như: quan sát nhíp lò so của bộ phận chạy, đo chiều cao xếp hàng trên thành toa rồi tính theo tỉ trọng hàng v.v... biện pháp kiểm tra như sau:

3.1. Đối với hàng bao kiện định hình và có trọng lượng chuẩn quy định (thanh, thỏi, bó, bao, kiện ...): đếm số lượng rồi nhân với trọng lượng chuẩn một bao, kiện.

3.2. Đối với hàng rời: phải xác định được tỷ trọng cho phép rồi nhân với thể tích thực tế của khối hàng ($V = \text{chiều cao} \times \text{chiều rộng} \times \text{chiều dài}$).

3.3. Hàng máy móc thiết bị: căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật, catalogue của máy để xác định trọng lượng.

3.4. Hàng khác: cân để xác định trọng lượng hoặc xác định trên cơ sở các giấy tờ gốc của hàng hoá như: list hàng xuất nhập khẩu, hoá đơn bán hàng, phiếu xuất kho để xác định trọng lượng hàng hoá.

3.5. Dùng cân thập phân, cân treo, cầu cân để cân và xác định trọng lượng hàng hoá.

Cách kiểm tra này kết quả chưa thật chính xác nhưng sẽ đánh giá được toa hàng có vượt trọng tải hay không để có biện pháp cân kiểm tra đảm bảo an toàn. Trường hợp người thuê vận tải yêu cầu cân kiểm tra xác định trọng lượng hàng hoá, nếu điều kiện thiết bị và thời gian cho phép thì ga tiến hành cân và được thu tiền cân toa.

Điều 24. Kê khai giá trị hàng hóa và bảo hiểm hàng hóa

Điều 25. Kiểm tra tên và trạng thái hàng hóa

Điều 26. Giao nhận hàng hóa

Điều 27. Niêm phong hàng hóa

Điều 28. Bảo quản hàng hóa

Điều 29. Hóa đơn gửi hàng hóa

Điều 30. Áp tải hàng hóa

Để áp dụng cụ thể việc áp tải hàng hoá được quy định chi tiết như sau:

1. Khi ký kết hợp đồng vận chuyển những loại hàng hoá yêu cầu phải có người áp tải, Doanh nghiệp phải giải thích rõ yêu cầu và nhiệm vụ của người áp tải trong suốt quá trình chuyên chở cho người thuê vận tải biết. Người thuê vận tải có trách nhiệm thông báo những nội dung và yêu cầu đó đối với người áp tải.

2. Ngoài các nội dung đã nêu tại Điều này, người áp tải phải thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

1.1. Phải mang theo giấy tờ tùy thân và các vật dụng cần thiết cho cá nhân; không được mang những vật dễ cháy nổ đi trên đoàn tàu. Nếu chuyên chở súc vật thì người áp tải phải mang theo đầy đủ thức ăn, bố trí tại các ga có đồ cho súc vật uống nước và phải biết cách phòng chống bệnh cho súc vật ở dọc đường.

1.2. Người áp tải có thể ngồi trong toa hàng của mình (đối với toa xe được phép chở người) hoặc ngồi trong xe trưởng tàu. Khi áp tải các mặt hàng nguy hiểm hoặc hàng có ảnh hưởng trực tiếp tới sự an toàn của người ngồi trong toa hàng cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của người áp tải thì người áp tải nhất thiết không được ngồi trong toa hàng đó; người áp tải phải mang theo dụng cụ phòng độc và các dụng cụ cần thiết khác.

1.3. Quy định vé cho người áp tải như sau:

Ga đi sử dụng vé hành khách không ghi tên ga để lập vé người áp tải;

Tiền vé người áp tải = Tổng (mức giá cước người áp tải x cự ly vận chuyển) + tiền bảo hiểm, trong đó:

Mức giá cước của người áp tải: được Doanh nghiệp xây dựng trên cơ sở bằng 50%[(giá vé ghế ngồi thấp nhất của loại tàu khách thường trên tuyến tính – 1000 đồng bảo hiểm) / cự ly vận chuyển tàu khách].

Cự ly vận chuyển: là khoảng cách từ ga đi tới ga đến ghi trên Hoá đơn gửi hàng hoặc là cự ly vận chuyển theo từng chặng trong trường hợp không có tàu suốt đi suốt như trên hóa đơn gửi hàng.

Tiền bảo hiểm: là mức thu bảo hiểm cho 1 hành khách theo quy định về bảo hiểm hành khách.

1.3.1. Nếu người áp tải ngồi trên xe trưởng tàu thì bán vé cho người đi áp tải theo quy định như trên.

1.3.2. Nếu người áp tải ngồi trên toa hàng của mình thì chỉ phải mua bảo hiểm hành khách (ga đi xuất vé, không thu tiền cước hành khách nhưng có thu tiền bảo hiểm hành khách theo quy định)

1.4. Trước khi lên tàu, người áp tải phải báo cáo với người phụ trách đoàn tàu, xuất trình vé và giấy tờ tùy thân.

1.5. Trong suốt thời gian toa hàng đi trên đường cũng như đỗ lại ở các ga dọc đường, người áp tải có trách nhiệm trông nom bảo quản hàng hoá của mình. Khi tàu có dừng đỗ lại ở các ga dọc đường, muốn lên xuống tàu hay ra vào ga phải được sự

đồng ý của người phụ trách đoàn tàu và Trục ban ga đồng thời phải nắm vững giờ tàu chạy ở ga và không được đi xa khỏi đoàn tàu để tránh trường hợp bị nhỡ tàu. Trường hợp người áp tải không chấp hành, gây chậm tàu thì phải bồi thường tàu chậm giờ theo quy định hiện hành của Tổng công ty ĐSVN.

Điều 31. Kỳ hạn vận chuyển

Điều 32. Vệ sinh đóng cửa toa xe

Việc vệ sinh đóng cửa toa xe do doanh nghiệp thỏa thuận với người thuê vận tải dựa trên nguyên tắc: Người thuê vận tải nhận toa xe của Doanh nghiệp giao để xếp hàng đảm bảo toa xe sạch, đủ tiêu chuẩn kỹ thuật xếp hàng; sau khi dỡ hàng xong người thuê vận tải cũng phải bàn giao toa xe cho Doanh nghiệp đảm bảo toa xe sạch, đóng cửa cài chốt chắc chắn. Trường hợp người thuê vận tải thuê Doanh nghiệp làm vệ sinh sau khi dỡ hàng thì phải trả cho Doanh nghiệp khoản chi phí liên quan đến việc vệ sinh toa xe và được thỏa thuận trong hợp đồng vận tải.

Khi bàn giao toa xe cho người thuê vận tải xếp hàng, các Chi nhánh VTĐS chỉ đạo nhân viên bàn giao nguyên vẹn tình trạng toa xe, nếu người thuê vận tải làm hư hỏng, móp méo thành, sàn toa xe thì phải trả cho Doanh nghiệp chi phí để sửa chữa phân hư hỏng.

Điều 33. Giấy tờ kèm theo hóa đơn gửi hàng hóa

Giấy tờ kèm theo Hoá đơn gửi hàng hoá gồm hai loại: giấy tờ chuyên chở và giấy tờ cần thiết liên quan đến hàng hoá của người thuê vận tải gửi kèm theo để thực hiện các quy định của Nhà nước trong vận tải hàng hoá.

1. Giấy tờ chuyên chở.

Giấy tờ chuyên chở: là loại giấy tờ cần thiết mà Doanh nghiệp cần phải xác lập để phục vụ cho việc vận chuyển hàng hoá như Hoá đơn gửi hàng, giấy xếp hàng (còn gọi là giấy xếp toa); bảng kê các loại hàng hoá (đối với hàng lẻ hoặc hàng hoá xếp trong container, hàng hoá xếp trong các đoàn tàu cho thuê hành trình); giấy phép chuyên chở đối với hàng quá giới hạn, quá nặng, hàng nguy hiểm chưa có tên trong “Quy tắc chuyên chở hàng nguy hiểm”; Biên bản thương vụ, biên bản phổ thông và biên bản kỹ thuật toa xe.

2. Giấy tờ cần thiết liên quan đến hàng hoá của người thuê vận tải.

Đây là những loại giấy tờ cần thiết được quy định tại khoản 1 Điều này trong Quy định về vận tải hàng hoá. Những giấy tờ này do người thuê vận tải chịu trách nhiệm đính kèm theo Hoá đơn gửi hàng để chấp hành các quy định khác của Nhà nước về Hải quan, Kiểm dịch, Quản lý thị trường trong khâu lưu thông, phân phối hay xuất nhập khẩu biên giới v.v...

Đối với những giấy tờ này, tùy theo quy định của các cơ quan chức trách hữu quan của Nhà nước mà người thuê vận tải phải kèm theo Hoá đơn gửi hàng đi cùng với hàng hoá đến ga đến hoặc đến một ga quy định nào đó ở trên đường chuyên chở. Doanh nghiệp không nhất thiết phải kiểm tra những giấy tờ đó xem có đúng quy định hay không, có đủ số lượng hay không hay có hợp lệ không và nhắc nhở người thuê vận tải chấp hành đầy đủ quy định của Nhà nước. Nếu không chấp hành đầy đủ

và nghiêm chỉnh mà làm cho việc chuyên chở bị trở ngại ở dọc đường thì người thuê vận tải phải chịu trách nhiệm về những hậu quả gây ra.

Việc giao nhận toa xe hàng và các giấy tờ kèm theo thực hiện theo quy định tại Quyết định 1152/QĐ-ĐS ngày 31/8/2017 V/v Ban hành quy định chạy tàu hàng sử dụng thiết bị đuôi tàu, Lái tàu phụ trách đoàn tàu và các văn bản quy định riêng có liên quan.

Ngoài những giấy tờ nói trên có trường hợp người thuê vận tải còn gửi kèm theo một số giấy tờ loại khác như phiếu xuất kho, hoá đơn bán hàng, giấy chứng minh phẩm chất v.v... Những giấy tờ này có tính chất là những giấy tờ giao dịch, cung cấp, mua bán, thanh toán v.v... giữa người thuê vận tải và người nhận hàng, không có liên quan đến việc chuyên chở như hai loại giấy tờ đã nói ở trên. Vì vậy, ga gửi cần giải thích cho người thuê vận tải biết là những giấy tờ này không bắt buộc phải đi kèm theo giấy tờ chuyên chở và khuyến khích người thuê vận tải gửi các giấy tờ đó bằng con đường khác để tránh bị thất lạc, tuy nhiên nếu ga đã nhận chuyển hộ giấy tờ đó thì phải có biện pháp để những giấy tờ đó không bị thất lạc.

Điều 34. Báo tin hàng đến

1. Việc báo tin hàng đến thực hiện theo các quy định cụ thể đã nêu trong trong Thông tư. Tuy nhiên để người nhận hàng chủ động kế hoạch bố trí phương tiện, nhân công xếp dỡ, ga đến cần dự báo trước cho khách hàng biết kế hoạch dự kiến tàu đến ga. Việc báo tin hàng đến là một thủ tục để xác định với người thuê vận tải là Doanh nghiệp đã làm xong nghĩa vụ chuyên chở và bắt đầu từ lúc này người nhận hàng có nghĩa vụ phải đến ga nhận hàng kịp thời để kết thúc trách nhiệm đối với khế ước chuyên chở. Để có bằng chứng cho việc báo tin hàng đến, các ga phải mở sổ theo dõi việc báo tin hàng đến, nội dung các cột mục của sổ báo tin hàng đến phải có đầy đủ các nội dung đã quy định tại Điều này.

2. Trường hợp người nhận hàng ở cách xa ga đến phải chủ động bố trí người giao dịch để nhận tin hàng đến và tổ chức nhận hàng kịp thời được hiểu như sau: Căn cứ vào cự ly vận chuyển và phương thức vận chuyển nhanh hay chậm, người thuê vận tải và người nhận hàng có thể tính được kỳ hạn chuyên chở của toa hàng là bao nhiêu ngày. Trước ngày toa hàng đến ga (tính theo kỳ hạn chuyên chở) người thuê vận tải hoặc người nhận hàng chủ động bố trí người giao dịch, liên hệ với ga đến để nắm bắt tình hình thông tin của toa hàng và tính toán, tổ chức việc nhận hàng cho kịp thời. Nếu ở quá xa ga đến phải cử người đến trước để giao dịch, nắm bắt thông tin và tổ chức nhận hàng.

Điều 35. Kỳ hạn nhận hàng

Thực hiện theo Quyết định 232/QĐ-HĐQT ngày 06/10/2017 V/v Ban hành Quy chế chống đọng dỡ và thu tiền chiếm dụng toa xe của Công ty CP VTĐS Hà Nội và các văn bản còn hiệu lực.

Điều 36. Giao hàng cho người nhận hàng

Nguyên tắc giao hàng ở ga đến:

- Chỉ giao hàng cho người nhận hàng có tên trong Hoá đơn gửi hàng.

- Nếu người nhận hàng là cá nhân thì ga phải yêu cầu người này xuất trình giấy chứng minh (hoặc căn cước, hộ chiếu) để chứng minh mình là người nhận hàng.

- Nếu người nhận hàng là người của tổ chức (cơ quan, xí nghiệp, đơn vị v.v...) có tên trong Hoá đơn gửi hàng thì phải có giấy ủy quyền để nhận hàng.

- Nếu người nhận hàng là cá nhân mà không trực tiếp nhận hàng thì có thể ủy quyền cho người khác thay thế mình để nhận hàng.

- Chỉ giao hàng cho người nhận hàng khi người nhận hàng đã làm xong các thủ tục (ký tên vào sổ hàng đến, các sổ sách giao hàng của ga, hoá đơn) và thanh toán các khoản cước, phụ phí phát sinh ở dọc đường và ga đến theo quy định.

- Người nhận hàng phải nhận hàng và mang ra khỏi ga trong kỳ hạn quy định và không được từ chối nhận hàng khi Doanh nghiệp đã báo tin hàng đến, trừ trường hợp hàng hoá bị hư hỏng không sử dụng được do lỗi của Doanh nghiệp. Trường hợp hàng hoá bị hư hỏng, sau khi phân loại phần hàng hoá còn giá trị sử dụng (theo thoả thuận giữa người thuê vận tải và Doanh nghiệp, hoặc theo kết luận của cơ quan giám định) thì người thuê vận tải hoặc người nhận hàng phải nhận phần hàng hoá còn giá trị sử dụng đó.

- Trường hợp người nhận hàng không có tên trong Hoá đơn gửi hàng và cũng không có giấy ủy quyền của người thuê vận tải thì ga chỉ giao hàng khi nào có lệnh của Công ty bằng văn bản và người nhận hàng phải chứng minh được mình là người được nhận hàng theo lệnh đó.

Điều 37. Vận chuyển hàng hóa bằng container

1. Doanh nghiệp chỉ nhận vận chuyển container phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của toa xe; container vận chuyển trên toa xe phải bảo đảm tải trọng cầu đường, khổ giới hạn đường sắt và có chứng nhận an toàn còn giá trị.

1.1. Container khi vận chuyển chỉ được xếp trên toa xe loại chuyên dùng chở container; trường hợp đặc biệt khi cần xếp lên các xe không mục khác phải được sự đồng ý của Doanh nghiệp và có biện pháp xếp dỡ, vận chuyển kèm theo.

1.2. Chỉ nhận vận chuyển container phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của toa xe: trọng tải sử dụng lớn nhất R của container (hoặc tổng trọng R của hai container cùng xếp lên 1 toa xe) không được lớn hơn trọng tải kỹ thuật của toa xe.

1.3. Container vận chuyển trên toa xe phải bảo đảm tải trọng cầu đường: không được xếp container có trọng tải sử dụng lớn nhất R (hoặc tổng trọng R của hai container cùng xếp lên 1 toa xe) lớn hơn trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe chuyên chở trên tuyến đường đó.

1.4. Container đảm bảo khổ giới hạn đường sắt: kích thước của container về chiều dài, chiều rộng, chiều cao không được vượt quá khổ giới hạn ĐMTX quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. Trường hợp vượt quá giới hạn phải được Doanh nghiệp cho phép và có quy định biện pháp vận chuyển riêng.

1.5. Có chứng nhận an toàn còn giá trị: khi sản xuất, chế tạo, hoặc sau khi bảo dưỡng container, cơ quan có thẩm quyền gắn biển chứng nhận an toàn có thời hạn (theo mẫu quy định) trên container; trong quá trình vận chuyển container này vẫn chưa quá thời hạn cho phép sử dụng.

2. Khi xếp hàng hoá trong container, người thuê vận tải chịu trách nhiệm về loại hàng hoá, biện pháp xếp để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển bằng đường sắt (Hàng xếp trong container phải cân đối dàn đều và chèn chắc chắn đảm bảo không bị xô dịch trong quá trình vận chuyển). Trọng lượng hàng xếp trong container và trọng lượng bì của container không được vượt quá trọng tải sử dụng lớn nhất R của Container; nếu người thuê vận tải xếp hàng vượt quá trọng tải lớn nhất R của container thì xử lý theo quy định tại Điều 49 của Hướng dẫn này. Ngoài việc chấp hành đầy đủ các quy định này, chủ hàng còn phải tự chịu trách nhiệm về hàng hóa bên trong container và những vi phạm của mình trước pháp luật hiện hành

3. Trường hợp container không đủ điều kiện tiêu chuẩn chỉ được coi là khối hàng và áp dụng xếp dỡ chuyên chở như lô hàng thông thường.

Mục 2. VẬN TẢI HÀNG HÓA TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 38. Vận tải hàng siêu trường, siêu trọng

Hàng siêu trường siêu trọng trong Quy định vận tải hàng hoá được gọi là hàng quá giới hạn, quá dài, quá nặng.

Biện pháp vận chuyển thực hiện theo Quyết định số 795/QĐ-ĐS của Tổng công ty ĐSVN ngày 17/6/2015 Ban hành Quy định vận chuyển hàng hóa quá giới hạn, quá dài, quá nặng trên đường sắt quốc gia.

Điều 39. Vận tải hàng hóa phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội

Điều 40. Vận tải hàng hóa Liên vận quốc tế

Vận tải hàng hóa liên vận quốc tế tuân thủ theo các quy định tại Điều 57 Luật đường sắt, Hiệp định Liên vận hàng hóa đường sắt quốc tế (SMGS), Nghị định thư hàng năm và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 41. Vận tải hàng hóa từ đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia và ngược lại

Điều 42. Giá vận tải hàng hóa

Thực hiện theo quy định tại Điều 56 Luật đường sắt và các văn bản quy định giá cước do Công ty ban hành còn hiệu lực.

GIẢI QUYẾT SỰ CỐ TRONG QUÁ TRÌNH VẬN CHUYỂN

Điều 43. Dỡ hàng vắng mặt người nhận hàng

Điều 44. Xử lý hàng hóa không có người nhận hoặc người nhận từ chối nhận hàng

Điều 45. Hàng hóa coi như bị mất mát

Hàng hoá xem như bị mất mát nếu quá kỳ hạn vận chuyển với thời hạn quy định tại khoản 1 của Điều này. Để tránh xảy ra tình trạng này và giảm thiểu những

thiệt hại do phải bồi thường hàng hóa bị mất mát, yêu cầu người thuê vận tải, người nhận hàng và các đơn vị cá nhân của Doanh nghiệp có liên quan thực hiện các yêu cầu sau đây:

1. Đối với người thuê vận tải, người nhận hàng:

Khi quá kỳ hạn vận chuyển với thời hạn quy định tại Điều này, phải nhanh chóng gửi yêu cầu bồi thường hàng hóa bị mất mát cho Doanh nghiệp.

2. Đối với Công ty vận tải, các Chi nhánh, các Trạm VTĐS:

Phải thường xuyên theo dõi quá trình vận chuyển của toa hàng, phối hợp với Trung tâm ĐHVT đưa toa xe về ga dỡ đảm bảo kỳ hạn chuyên chở.

Các Chi nhánh VTĐS nếu phát hiện toa xe quá kỳ hạn chuyên chở mà chưa đến ga dỡ phải kịp thời báo cáo Công ty và kiểm tra trên phần mềm lõi QTHH để phối hợp đưa xe về ga dỡ được nhanh nhất.

Tổ chức phân tích nguyên nhân gây ra chậm trễ kỳ hạn chuyên chở và thất lạc hàng hóa, phân định trách nhiệm liên quan.

Điều 46. Hàng hóa bị tịch thu, xử lý

Đối với hàng hóa trong quá trình vận chuyển nếu bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, tịch thu hoặc xử lý thì ga có toa hàng bị giữ lại xử lý phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Đề nghị cơ quan ra quyết định kiểm tra xử lý xuất trình giấy tờ hợp lệ.
2. Báo cáo kịp thời cho Công ty vận tải cấp trên của mình; thông báo người thuê vận tải, người nhận hàng về tình hình toa hàng bị kiểm tra hoặc tịch thu xử lý.
3. Lập biên bản thương vụ theo quy định.

Điều 47. Tắc đường vận chuyển

Điều 48. Xử lý khi phát hiện hàng hóa khai sai tên trong quá trình vận chuyển

Điều 49. Hàng xếp sai trọng lượng, xếp quá tải

1-Đối với hàng nguyên toa

1.1. Trong quá trình vận chuyển nếu phát hiện trọng lượng thực tế khai sai không quá 5% trọng tải kỹ thuật của toa xe nhưng chưa vượt quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe thì Doanh nghiệp tiếp tục chở tới ga đến và thu thêm của người nhận hàng tiền cước vận tải còn thiếu kèm theo khoản tiền phạt bội tải theo quy định sau:

- Tiền cước còn thiếu: là phần tiền cước của phần chênh lệch trọng lượng do bội tải.
- Tiền phạt bội tải: trường hợp này không thu.
- Các khoản chi phí phát sinh (nếu có).

1.2. Nếu phát hiện trọng lượng thực tế khai sai quá 5% trọng tải kỹ thuật toa xe hoặc quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe thì Doanh nghiệp được quyền dỡ

phần trọng lượng bồi tải, thông báo cho người thuê vận tải biết và thống nhất biện pháp giải quyết đối với phần hàng hoá đã dỡ xuống. Doanh nghiệp được quyền thu tiền phạt bồi tải và các chi phí phát sinh theo quy định sau:

Tiền cước của phần chênh lệch trọng lượng do bồi tải.

Tiền phạt bồi tải: tính theo trọng lượng thực tế chuyên chở từ ga đi đến ga tàu dừng theo mức phạt của Doanh nghiệp.

Các chi phí phát sinh: tiền động toa xe, bảo quản hàng hoá, thiệt hại về phương tiện vận chuyển, công trình (nếu có).

2. Đối với hàng lẻ.

Khi khai sai trọng lượng: không thu tiền phạt, ga đến thu thêm tiền cước phần trọng lượng chênh lệch giữa thực tế với trọng lượng đã khai.

3. Đối với container.

3.1. Nếu trọng lượng thực tế của container vượt quá trọng tải sử dụng lớn nhất R nhưng chưa vượt quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe: Ga đi phát hiện phải lập biên bản phổ thông và yêu cầu người thuê vận tải điều chỉnh trọng lượng cho phù hợp (trường hợp phát hiện ở ga dọc đường thì lập biên bản gửi kèm Hoá đơn gửi hàng về ga đến giải quyết); nếu người thuê vận tải không chấp hành thì Doanh nghiệp được quyền từ chối chuyên chở.

3.2. Nếu trọng lượng thực tế của container vượt quá trọng tải kỹ thuật của toa xe hoặc vượt quá trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe: áp dụng theo khoản 1 của Điều này.

Điều 50. Hủy bỏ vận chuyển

Điều kiện, trình tự, thủ tục và các chi phí phát sinh khi hủy bỏ vận chuyển:

1- Điều kiện: chỉ được hủy bỏ vận chuyển khi toa hàng chưa chạy tại ga đi.

2- Thủ tục: người thuê vận tải xin hủy bỏ chuyên chở phải làm giấy yêu cầu hủy bỏ vận chuyển gửi cho Trạm VT nơi làm thủ tục vận chuyển đi kèm theo Liên 2 Hoá đơn gửi hàng (nếu đường sắt đã nhận chở).

3- Các chi phí khi hủy bỏ vận chuyển gồm:

Phụ phí hủy bỏ vận chuyển.

Tiền lưu kho bãi, bảo quản (nếu có).

Tiền phạt động toa xe, dòn xe (nếu có).

Tiền điều xe rỗng (nếu có).

Tiền chậm tàu hoặc hủy chuyển tàu (nếu có).

Điều 51. Thay đổi người nhận hàng

Điều kiện, thủ tục và các chi phí phát sinh thực hiện như sau:

1. Điều kiện: người thuê vận tải được quyền chỉ định (thay đổi) lại người nhận hàng và khi Doanh nghiệp chưa giao hàng cho người nhận hàng trước đó.

2. Thủ tục:

Người thuê vận tải phải làm giấy yêu cầu xin thay đổi người nhận hàng cho ga đi (hoặc ga đến) kèm theo Liên 2 Hoá đơn gửi hàng.

3. Các chi phí khi thay đổi người nhận hàng gồm:

Phụ phí thay đổi người nhận hàng.

Tiền lưu kho bãi, bảo quản (nếu có).

Tiền động toa xe, dôn xe (nếu có).

Điều 52. Thay đổi ga đến:

Điều kiện, trình tự, thủ tục và các chi phí phát sinh thực hiện như sau:

1. Điều kiện:

1.1. Chỉ được thay đổi ga đến khi hàng hoá chưa giao cho người nhận hàng và ga đến mới có đủ điều kiện về việc dỡ loại hàng hoá đó (điều kiện về đường, kho bãi, phương tiện và biện pháp xếp dỡ, phù hợp với thủ tục giấy tờ cho phép của hàng hoá đó).

1.2. Nếu hàng hoá còn đang trên đường vận chuyển thì chỉ giải quyết thay đổi ga đến theo yêu cầu của người thuê vận tải. Khi hàng hoá đã tới ga đến cũ, người thuê vận tải và người nhận hàng cùng yêu cầu thay đổi ga đến, Doanh nghiệp chấp nhận cho bên yêu cầu trước, nếu cả hai bên yêu cầu cùng một lúc Doanh nghiệp chấp nhận yêu cầu của người nhận hàng.

1.3. Trường hợp đặc biệt (do khó khăn trong việc chuyên chở và dỡ hàng ở ga đến, hoặc chấp hành chỉ thị của Nhà nước, do bất khả kháng) Doanh nghiệp có thể thay đổi ga đến không căn cứ vào yêu cầu của người thuê vận tải hoặc người gửi hàng, người nhận hàng.

1.4. Đối với các đoàn tàu chuyên tuyến, tàu thuê cả hành trình: Khi người thuê vận tải, người nhận hàng có yêu cầu thay đổi ga đến một toa xe hay cụm toa xe trong thành phần đoàn tàu. Tùy từng thời điểm, trường hợp cụ thể Doanh nghiệp quyết định việc thay đổi ga đến.

2. Thủ tục:

Khi muốn thay đổi ga đến, người thuê vận tải phải làm đơn yêu cầu xin thay đổi ga đến gửi cho ga đi kèm theo Liên 2 Hoá đơn gửi hàng. Khi toa hàng đã tới ga đến cũ, người nhận hàng xin thay đổi ga đến phải làm giấy yêu cầu thay đổi ga đến mới, gửi cho ga đến kèm giấy báo tin hàng đến.

3. Các chi phí khi thay đổi ga đến gồm:

Cước vận chuyển còn thiếu.

Phí thủ tục thay đổi ga đến.

Phí dôn xe, động xe (nếu có).

4. Trình tự tiến hành như sau:

Ga đi (hoặc ga đến) tiếp nhận giấy yêu cầu thay đổi ga đến, làm văn bản gửi Công ty để xem xét, nếu phù hợp với điều kiện thay đổi ga đến (quy định tại khoản 1 nêu trên) thì sẽ có trả lời đồng ý việc thay đổi ga đến và tiến hành như sau:

4.1. Thay đổi ga đến khi hàng còn ở tại ga đi.

4.1.1 Khi hóa đơn gửi hàng đã lập nhưng chưa giao cho khách hàng, chưa làm báo cáo kế toán: ga đi lập biên bản sự việc, làm biên bản xóa bỏ hóa đơn, lập hóa đơn mới để tính toán lại tiền cước phí từ ga đi đến ga đến mới.

4.1.2. Khi hóa đơn gửi hàng đã lập và đã giao cho khách hàng, đã làm báo cáo kế toán: ga đi lập biên bản sự việc, làm biên bản thu hồi hóa đơn và lập hóa đơn mới. Trường hợp tiền cước phí đã thu ít hơn tiền tính toán thì thu thêm của khách hàng tiền thu chênh lệch, trường hợp tiền cước phí đã thu cao hơn tiền tính toán lại thì ga đi làm thủ tục hoàn lại cho khách hàng theo quy định của Công ty hướng dẫn.

4.2. Thay đổi ga đến khi hàng hoá đang trên đường vận chuyển.

Ga đi căn cứ đề nghị của người thuê vận tải, làm văn bản đề nghị Công ty nội dung và yêu cầu thay đổi của người thuê vận tải. Công ty căn cứ nội dung thay đổi ga đến và thực tế hành trình đoàn tàu có toa hàng xin thay đổi ga đến và ga đến có đủ điều kiện xếp, dỡ hàng hoá để chỉ định ga toa hàng sẽ dừng để làm thủ tục thay đổi ga đến. Ga được chỉ định lập biên bản sự việc (trong đó có các chi phí phát sinh như động toa ... để làm cơ sở thanh toán với khách hàng) và làm thủ tục thay đổi ga mới theo chỉ đạo của Công ty.

4.3. Thay đổi ga đến mới khi hàng hoá đã tới ga đến cũ.

Ga đến tính và thu các khoản cước, phụ phí phát sinh theo quy định tại khoản 3 trên đây. Cước vận chuyển từ ga đến cũ tới ga đến mới tính bắt đầu từ chặng đầu tiên.

5. Thay đổi ga đến mới theo yêu cầu của Doanh nghiệp.

Trường hợp này Doanh nghiệp có trách nhiệm bàn bạc với người thuê vận tải để giải quyết việc thay đổi ga đến cho phù hợp với điều kiện vận chuyển của mình đồng thời cũng không gây khó khăn trở ngại cho người thuê vận tải và người nhận hàng. Sau khi bàn bạc thống nhất, Doanh nghiệp báo cho ga đi, ga dọc đường giải quyết thay đổi hoặc ga đến cũ nội dung thay đổi ga đến bằng văn bản. Trường hợp này không thu bất cứ phụ phí nào do việc Doanh nghiệp yêu cầu thay đổi ga đến.

BỒI THƯỜNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 53. Miễn trách nhiệm bồi thường hàng hóa bị mất mát, giảm khối lượng, hư hỏng hoặc giảm chất lượng

Điều 54. Bồi thường hàng hoá bị mất mát, giảm khối lượng, hư hỏng hoặc giảm chất lượng do lỗi doanh nghiệp

Điều 55. Bồi thường động toa xe, hư hỏng đầu máy

Điều 56. Giải quyết tranh chấp

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNG HÓA TRÊN ĐƯỜNG SẮT

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của người thuê vận tải hàng hóa

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ người nhận hàng

Điều 60. Chế độ báo cáo

Công ty CP VTĐS Hà Nội giao Phòng CNTT tổng hợp số liệu thống kê công tác vận tải hàng hóa của toàn Công ty báo cáo Cục đường sắt Việt Nam theo quy định tại này điều này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Hiệu lực thi hành

Điều 62. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, một số văn bản quy định trong hướng dẫn này có thể sẽ điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh vận tải đường sắt.

TỔNG GIÁM ĐỐC *Kus*



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Quân